HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 533955
VEWL.#:
I-171#: Y NO
EXIT VISA#:

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) VAN (Middle) TY (First)

Current Address: 37/3 TOWN XOM VUON, THANG TAM WARD, VUNG TAU

Date of Birth: Oct. 17 - 1927 Place of Birth: QUANG NGAI

Previous Occupation (before 1975) RVN GOV. EMPLOYEE, SUPERVISOR
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07-03-1975 To 04-28-1980
Years: 04 Months: 09 Days:

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI CÚC (DAUGHTER)
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN TÝ
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ KIỂM | 5-1-1930 | WIFE |
| NGUYỄN THỊ THÁI | 11-5-1952 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN HỒNG | 12-16-1960 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN LAN | 3-19-1963 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN THU | 9-18-1966 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN NGA | 01-2-1969 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN THỦY | 2-26-1972 | DAUGHTER |
| NGUYỄN NGỌC THANH | 9-2-1975 | ADOP. SON [redacted] |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

_____

_____

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

**The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.**

1. **APPLICANT IN VIETNAM** NGUYEN (Last) VA N (Middle) TY (First)

**Current Address:** 37/3 TOWN XOM VUON, THANG TAM WARD, VUNG TAU

**Date of Birth:** OCT. 17-1927 **Place of Birth:** QUANG NGAI

**Previous Occupation (before 1975)** RVN GOV. EMPLOYEE, SUPERVISOR
**(Rank & Position)**

2. **TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP** **Dates: From** 07-03-1975 **To** 04-28-1980

**Years:** _____ **Months:** _____ **Days:** _____

3. **SPONSOR'S NAME:** NGUYEN THI CÚC (DAUGHTER)
**Name**

_____
**Address and Telephone Number**

4. **NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.**

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| | |
| | |
| | |
| | |

**If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.**

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN VĂN TÝ
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES: | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ KIỀM | 5-1-1930 | WIFE |
| NGUYỄN THỊ THAI | 11-5-1952 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN HỒNG | 12-16-1960 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN LAN | 3-19-1963 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN THƠ | 9-18-1966 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN NGA | 01-2-1969 | DAUGHTER |
| NGUYỄN THỊ XUÂN THUỶ | 2-26-1970 | DAUGHTER |
| NGUYỄN NGỌC THANH | 9-2-1975 | ADOP. SON |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

— Hồ Sơ Tù nhân chính trị —

Họ và tên : Nguyễn Văn Tỷ

IV # 533955

Người đứng tên bảo trợ : Nguyễn thị Cúc

A T L A S P R O G R A M

CPR ID - VPL
RUN DATE: 10/14/1
PAGE NO. 2786

NUMBER IV 533955

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN CUC THI

DOB:(mmddyy) 12 12 61 47 Code: VIETNAM

Address:

Telephon (Business): / — /

Photocopy: REF PRA USC

RELATIVES

| C | BCT | MC | Documentation MCT | GVN | PHOTO | OTHER |
|---|---|---|---|---|---|---|
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | |
| | -- | -- | -- | -- | -- | 8. |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | 9. |
| | -- | -- | -- | -- | -- | 10 |
| - | -- | -- | -- | -- | -- | 11 |
| | -- | -- | -- | -- | -- | 12 |
| | -- | -- | -- | -- | -- | 13 |
| | -- | -- | -- | -- | -- | 14 |

USE ONLY

SPONSOR IN THE UNITED STATES

| | ADR | ADS | BC | BCT | MC | MCT | GVN | PHOTO | OTHER |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | -- | -- | -- | -- | -- | -- | -- | -- | |

--/--/-- to --/--/--

--/--/-- to --/--/--

at AND: Refo Camp: --/--/-- to --/--/--

ED OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # ------ FEEDBACK LIST --/--

Medical Prob:

RECORD [illegible] --/--/-- Recp --/--/--

THE UNITED STATES ORDERLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN VAN TY

Other names used:

Sex: M. DOB: (mm/dd/yy) 10/17/27 COB: VN

Address in Vietnam:

37/3 KHU XOM VUONG PHUONG THANG TAU DAC KHU
VUNG TAU, VIET NAM

| | NAME | Sex M/F | DOB MM | DD | YY | Rel. PA | COB | ACCOMPANYING FAL NM |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | NGUYEN VAN TY | M | 10 | 17 | 27 | PA | VN | |
| 2. | NGUYEN THI KIEM | F | 05 | 01 | 30 | WI | VN | |
| 3. | NGUYEN THI THAI | F | 11 | 05 | 52 | DA | VN | |
| 4. | NGUYEN THI XUAN HONG | F | 12 | 16 | 60 | DA | VN | |
| 5. | NGUYEN THI YUAN LAN | F | 03 | 19 | 63 | DA | VN | |
| 6. | NGUYEN THI XUAN THU | F | 09 | 18 | 66 | DA | * | |
| 7. | NGUYEN THI XUAN NGA | F | 01 | 02 | 69 | DA | VN | |
| 8. | NGUYEN THI XUAN THUY | F | 02 | 26 | 72 | DA | VN | |
| 9. | NGUYEN NGOC THANH | M | 09 | 02 | 75 | GS | VN | |
| 10. | | | | | | | | |
| 11. | | | | | | | | |
| 12. | | | | | | | | |
| 13. | | | | | | | | |
| 14. | | | | | | | | |

FOR OFFIC

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Symbol: 1I Priority Date: 09/18/75 Rel-Sponsor to PA: DA

VENL #: SRV #: JNL:

USG Empl/Training (Cat 2): ----------

Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC): ----------

GVN/RVNAF SVC: ----------

CAT 1 PKT: --/--/-- PLUP: --/--/-- OTHER: ----------

CAT 2/3 PKT: --/--/-- PLUP: --/--/-- OTHER: ----------

Replist by: ---------- ON: --/--/-- LOI Sent: --/--/--

Other Actions: ----------

VOLAG NAME: ----------

VOLAG ASSUR: Sought --/--/-- Recd: --/--/-- V #: ----------

POSSIBLE DUPS: # ------ # ------ # ------ # ------

REF ZV #:

F... ATURE PROGRAM

CPR ID - VPL
RUN DATE: 10/14/..
PAGE NO. 2746

...E NUMBER IV 533955

SPONSOR IN THE UNITED STATE

...ame: NGUYEN CUC THI

...OB:(mmddyy) 12 1261 47 ...: VIETNAM

...ddress:

...elephone

...ategory: REF PRA USC

818-792-0531

... RELATIVES

Documentation

| ... | BCT | MC | MCT | GVN | PHOTO | OTHER |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 1 |
| | | | | | | 2 |
| | | | | | | 3 |
| | | | | | | 4 |
| | | | | | | 5 |
| | | | | | | 6 |
| | | | | | | 7 |
| | | | | | | 8 |
| | | | | | | 9 |
| | | | | | | 10 |
| | | | | | | 11 |
| | | | | | | 12 |
| | | | | | | 13 |
| | | | | | | 14 |

...SE ONLY

SPONSOR IN THE UNITED STATES

| ... | ADR | ADS | BC | BCT | MC | MCT | GVN | PHOTO | OTHER |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | |

--/--/-- to --/--/--

--/--/-- to --/--/--

...t ADD: ... Ref'd Camp: --/--/-- to --/--/--

...D OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # ------ FEEDBACK LIST --/--

------ Medical Prob: ------

RECONF... ... --/--/-- Recp --/--/--

# ... # ... # ... # ... # ...

IV # 533955

(Translation)

INTERIOR MINISTRY

Camp: Ham Tan

No. /GRT

Denominator --

Promulgated the official correspondence No. --

Date --

SPECIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence-Liberty-Happiness.

No --

PERMISSION TO RELEASE

Following the Circular of Interior Ministry No. 966-BCA/TT dated 05/31/61. Enforcement of a judgment. Decision of emancipated of Interior Ministry No 57/QD date: 04-28-1980

Now, setting free the following person:

Name: NGUYEN VAN TY

Other name used: --

AKA /Secret name: --

Date of birth: 10-17-1927

Place of birth: Quang Ngai

Residence before arrested: 37/3 Nguyen Truong To St. Vung Tau

Guilt: Supervisor

Date arrested: 07-03-1975

Judgment: Re-Education camp

Following the decision of judgment: No --- date 06-30-1975

Increase of punnishment: -- times, Total -- date --

Decrease of punishment: -- times, total -- date --

Present address: 37/3 town Xom Vuon, Thang Tam ward, Vung Tau

Result of Re-education period: Has been improved and showing good citizenship.

Confind: ---

OFFICIAL SEAL
THIEN
NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires ... 1991

Right index finger' s print of NGUYEN VAN TY

Serie No. C03

Made in Military Justice.

Name, Signature of the applicant:

--- signed.

Colonel: NGUYEN ANH QUANG

Sealed & Signed.

NOTARY PUBLIC:

I hereby to state that the foregoing translation is true and correct.

TRANSLATOR:

SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME THIS 1-12 DAY OF July 19 92

BO NOI VU
Trại : Hàm tân
Số: _____/GRT

CONG HOA XA HOI C.U NGHIA VIET NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của bộ nội vụ
Thi hành quyết định tha số 57/Q ngày 28 tháng 4 năm 1980 của bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ,tên khai sinh : NGUYỄN VĂN TÝ
Họ,tên thường gọi:
Họ,tên bí danh
Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1927
Nơi sinh : Quảng ngãi
Nơi ĐKNK thường trú trước khi bị bắt : 37/3 Đường Nguyễn trường tộ thị xã Vũng tàu
Tam bội : Trưởng ban giám thị chánh ngạch
Bị bắt ngày : 3 tháng 7 năm 1975
Án phạt : Tập trung cải tạo theo quyết định số không số ngày 30 tháng 6 năm 1975 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng nai .
Nay về cư trú tại : 37/3 Khóm xóm vườn, phường thắng tam, vũng tàu .

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : Tỏ ra an tâm nhận thấy tội lỗi có cố gắng trong học tập cải tạo .
Lao động : Ngày công đảm bảo thái độ lao động tích cực có năng xuất ,ý thứcbảo quảndụng cụ khá
Nội quy : Chưa sai phạm gì lớn.
Học tập : Tham gia các đợt học tập đều ,ý thức tiếp thu khá.

(quản chế 12 tháng )

Ngày 16 tháng 5 năm 1980

Lăn tay ngón trỏ phải.
Của : Nguyễn văn Tý
Danh bản số: C03
Lập tại : Bầu lâm

Họ,tên chữ ký
Người được cấp giấy

Nguyễn văn Tý

Phó giám thị

Đại úy: NGUYỄN ANH QUANG .

NGUYỄN VĂN TỶ

IV # 533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 271481912

Họ tên NGUYỄN VAN TÝ.

Sinh ngày 17-10-1927.

Nguyên quán Nghĩa bình.

Nơi thường trú 37/3 Ng. Trường tộ, Phường 3, Vũng tàu-Côn đảo.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật.

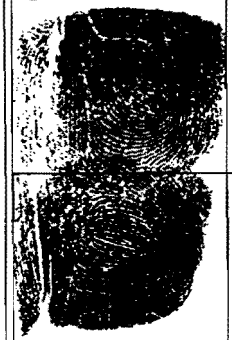

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

ĐẶC ĐIỂM HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi nổi C.5cm dưới trước mép phải.

Ngày 2 tháng 12 năm 1987

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đặng Công Hầu

(Translation)

BIRTH CERTIFICATE

No. II28.HT Date 06-15-1951

NAME: NGUYEN (Last) VAN (Middle) TY (First)

Sex: --- Nationality ---

Date of birth: October (Month) 17 (Date) 1927 (Year)

Place of Birth: Minh Tang Quang Nghia

Father: NGUYEN VAN CHU

Mother: LE THI DIEP

Extracted from the original:
Saigon date: April 7, 1970

Register at Saigon

Date 06-18-1951

Volume -- Page 58 Number 87/21 (3)

STATE OF CALIFORNIA )SS
County Of Los Angeles )

Subscribed and sworn to before me 10th day of July 19 90

NOTARY PUBLIC

I hereby to state that the foregoing translation is true and correct to the best of my knowledge and belief.

Translator

OFFICIAL SEAL
THIEN V. BUI
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

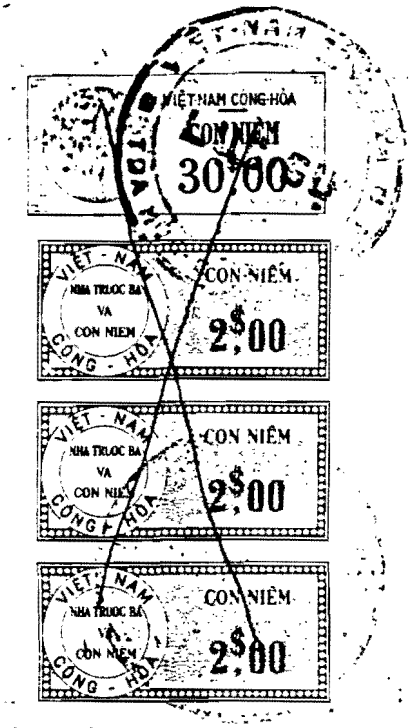


# VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Lục sao y theo bổn chánh để tại phòng Lục-sự Toà Hòa-Giải Saigon.

Số [illegible] (1) [illegible]6

Ngày 15 tháng 6 năm 1951 (1)

GIẤY THẾ-VÌ [illegible] cho:

[illegible]

Năm một ngàn chín trăm 51

, ngày 15 tháng 6 , hồi 7 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là

[illegible] , Chánh-Án Toà Hòa-Giải Saigon,

tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

có Lục-sự [illegible]

phụ tá,

Tờ thứ nhứt:

**ĐÃ TRÌNH-DIỆN:**

1o) [illegible], 28 tuổi, thợ hồ, ngụ tại Saigon nhà số [illegible] đường Richaud nối dài Sth số 9709 Saigon.

2o) [illegible], 33 tuổi, buôn bán, ngụ tại Saigon, nhà số 140 đường Hamelin, Sth số 19418 Saigon.

Đóng bách-phần tại **Phòng Ba Saigon**

Ngày 18 tháng 6 năm 19 51

Quyển - Tờ 58 Số 87. Ngăn 2I(3)

Thâu : Sáu chục đồng (60$00).

Tờ tên : đọc không được.

Lục sao y

Saigon, ngày 7 tháng 4 năm 19 70

*CHÁNH LỤC-SỰ,*

LỤC-SỰ

**Giá tiền:**

| | |
|---|---|
| Con niêm .. .. .. .. | 36$00 |
| Bổng lộc .. .. .. .. | 7$50 |
| Biên-lai. .. .. .. .. | 0$50 |
| Cộng .. .. | 44$00 |

IV #53395

(Translation)

# MARRIAGE CERTIFICATE

Number: 767/CT/66 Date: 07-21-1966

Husband: NGUYEN (Last) VAN (Middle) TY (First)

Date of Birth: October (Month) 17 (Date) 1927 (Year)

Place of Birth: Minh Tang Quan Nghia , Quang Ngai

Father: NGUYEN VAN CHUC Mother: LE THI DIEP

**********

Wife: NGUYEN (Last) THI (Middle) KIEM (First)

Date of Birth: May (Month) 1 (Date) 1930 (Year)

Place of Birth: Thang Tam St Jacques(formerly). Phuoc Ty

Father: NGUYEN VAN PHAN Mother: TRAN THI HUONG

Extract from the original:
Chau Thanh, Date: 09-06-1966

Officer: NGUYEN VAN NHI

Registered at: Thang Tam, Cap St Jacques(formerly). Phuoc Tuy

Date: 04-29-1947

---

Notarization

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES ) SS

Subscribed and sworn before me this
10th day of July 19 90

Notary Public

I hereby to state that the foregoing translation is true and correct to the best of my knowledge and belief

Translator

OFFICIAL SEAL
THIEN V. BUI
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires N...b... ...991

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
**BỘ TƯ - PHÁP**
**SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN**
TÒA HÒA-GIẢI
CHÂU THÀNH AN-GIANG
(1) Ngày 21.7.1966
Giấy thế-vì Hôn thú
cho NGUYỄN VĂN TÍ

(1) Số: 767 /CT/ 66

# Trích-lục văn-kiện thế-vì hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

## TÒA HÒA-GIẢI CHÂU-THÀNH ANGIANG

Một bản chánh giấy thế vì Hôn thú
cấp cho NGUYỄN VĂN Tý
do Đại Úy Lê Phước An (Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải
châu thành ANGIANG, cấp ngày 21.7.1966
và đã trước-bạ ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

---

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

NGUYỄN VĂN TÍ, sanh ngày 17.10.1927 tại Minh Tăng Quản Nghĩa, Quản Ngãi, con của NGUYỄN VĂN CHỨC và LÊ THỊ ĐIỆP.

Vợ tên NGUYỄN THỊ KIỀM, sanh ngày 01.5.1930 tại Thắng Tam Cap St Jacques nay là Phước Ty, con của NGUYỄN VĂN PHAN và TRẦN THỊ HƯƠNG.

Đã lập hôn thú bậc nhứt ngày 29.4.1947 tại Thắng Tam, Cap St Jacques nay là Phước Ty./-

---

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH
Châu-Thành, ngày 6 tháng 9 năm 1966
LỤC-SỰ,

LỤC-SỰ

NGUYỄN VĂN NHÌ

Lệ-phí : 7đ
(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

NGUYỄN VĂN TIẾP

Ng Thị Điểm

IV#533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 270042205

Họ tên NGUYỄN THỊ KIỀM

Sinh ngày 1930.

Nguyên quán Thắng tam
Vũng tàu, Đồng nai.

Nơi thường trú 37/3 Ng: trường
Tộ, Vũng tàu, Đồng nai.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Bớt nâu tròn 0,5cm C
3cm dưới s.u đuoi mắt
phải.

Ngày 26 tháng 4 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG - TY

Trần Văn Thanh

(Translation)

CITY -- _____

DISTRICT -- _____

VILLAGE -- _____

No. 135

Translation of

BIRTH CERTIFICATE

FULL NAME OF THE CHILD: NGUYEN THI KIEM SEX Female

DATE OF BIRTH: May 1, 1930 at: 5:00

PLACE OF BIRTH: Thang Tam Cap St Jacques

FATHER: NGUYEN VAN PHAN AGE --

OCCUPATION: Homemaker

RESIDENCE Thang Tam

MOTHER: TRAN THI HUONG AGE --

OCCUPATION: Housewife

RESIDENCE: Thang Tam

WIFE'S RANK: did not register for marriage certificate

DECLARANT: NGUYEN VAN PHAN AGE 36

OCCUPATION: Homemaker

RESIDENCE: Thang Tam

REGISTERED DATE: --

WITNESSES: 1st: LE THI LUU AGE 44

OCCUPATION: Homemaker

RESIDENCE: Thang Tam

2r WITNESS: NGUYEN VAN THIEU AGE 46

OCCUPATION: Homemaker

RESIDENCE: Thang Tam

DATE Cap St-Jacques, Thang Tam 05-08-1943

DECLARANT OFFICER WITNESSES

(Signed) (Signed) (Signed)

Extracted from the original.

DATE Thang Tam, 02-22-1965

OFFICER: TRAN VAN HUONG

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

OFFICIAL SEAL
THIEN V. [illegible]
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

I hereby state that the above translation is true and correct to the best of my knowledege and belief.

TRANSLATOR: [signature]

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

# KHAI SANH et Reconnaissance

Số hiệu : 135

Qui déclare expressement être le père de cet enfant et vouloir la reconnaitre.
Signé: Phan,
Qui déclare expressement être la mère de cet enfant et vouloir la reconnaitre.
Signé: Hương,

Voir acte de naissance No 116 du 1er 1930 à Thăng-Tam Cap St-Jacques.

Vu pour la légalisation des signatures des notable apposées ci-dessous.
Cap St-Jacques, le 23 Février 1948.
P.L'ADMINISTRATEUR-MAIRE et P.
Signé et cachet: Illisible

Pour copie conforme.
Thăng-Tam, le 19 Février 1948.
P.Le Chánh Lục-Bộ,
Le Hương-Quản: Ký tên không nổi
Le Hương-Hào : Lung,
Le Maire: Phụng (con dâu)

SAO Y:
Thăng-Tam, ngày 22-2-1943
Chủ-Tịch, U.B.H.C.Xã
Kiêm Cộng Viên Họ-Tịch,

Trần-văn-Hương.

Nhận thực chữ ký của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Xã THĂNG TAM ngang đây
VŨNG TÀU ngày 24 tháng 2 năm 1943
T.M.H.T.H. TRƯỞNG
PHÓ THỊ TRƯỞNG HÀNH CHÁNH,

PHAN-VĂN HUNG
Tham-Sự

| | |
|---|---|
| Tên, họ ấu nhi : | NGUYỄN-THỊ-KIỂM |
| Phái : | Con gái |
| Sanh : (Ngày, tháng, năm) | Le 1er Mai 1930 à 5h. |
| Tại : | Thăng-Tam Cap St-Jacques. |
| Cha : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Phan |
| Tuổi : | // |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Mẹ : (Tên, họ) | Trần-thị-Hương |
| Tuổi : | // |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Vợ : | Không có phép hôn-thú |
| Người khai : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Phan |
| Tuổi : | Ba mươi sáu tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Ngày khai : | // |
| Người chứng thứ nhứt : (Tên, họ) | Lê-thị-Lụu |
| Tuổi : | Bốn mươi bốn tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Người chứng thứ nhì : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Thiệu |
| Tuổi : | Bốn mươi sáu tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |

Làm tại Cap St-Jacques, Thăng-Tam. ngày 8 tháng Mai năm 1943.

Người khai. Hộ-lại. Nhân chứng.

Signé: Phan, Signé: Sự, Signé: Lụu et Thiệu.

NGUYỄN thị xuân thủy

Nguyễn thị xuân Nga

Nguyễn thị xuân thu

Nguyễn thị xuân loan

Nguyễn Thị Thái

1952

Nguyễn Ngọc thanh

date of birth

Sept - 2 - 1975

IV#:533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 271452769

Họ tên NGUYỄN THỊ XUÂN THU

Sinh ngày 16-09-1966

Nguyên quán Nghĩa bình

Nơi thường trú 37/3Nguyễn-Trường-Tộ, T.Tam, Vũngtàu-C.Đ'ao

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật.

NGÓN TRỎ TRÁI

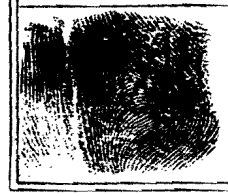

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm C.1cm dưới đầu lông mày phải.

Ngày 10 tháng 07 năm 1981

GIÁM ĐỐC / CỤC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Minh

IV# 533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 271481910

Họ tên NGUYỄN THỊ XUÂN NGA.

Sinh ngày 2-01-1969.

Nguyên quán Nghĩa bình.

Nơi thường trú 37/3 Nguyễn.T.Tộ,
Phường 2, Vũngtàu-Côndảo.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

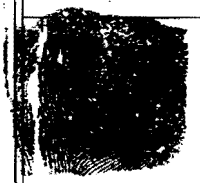

NGÓN TRỎ TRÁI

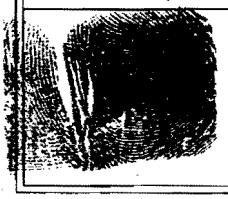

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm C.1cm dưới sau mép phải.

Ngày 12 tháng 12 năm 1987

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đặng Long Hầu

IV #533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 271481911

Họ tên NGUYỄN THỊ XUÂN-THỦY.

Sinh ngày 26-2-1972.

Nguyên quán Nghĩa bình.

Nơi thường trú 37/ 3 Nguyễn. T. Tc
Phường 3, Vũngtàu-Côn đảo.

Dân tộc: Kinh ..... Tôn giáo: Phật .....

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm 0.2cm dưới sau mép trái.

Ngày 12 tháng 12 năm 1987.

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đặng Công Hậu

IV # 533755

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270042217

Họ tên NGUYỄN THỊ XUÂN LAN

Sinh ngày 19-03-1963

Nguyên quán Thắng tam
T.P Vũng tàu, Đồng nai.

Nơi thường trú 37/3, lg: trường
Tộ, T.P Vũng tàu, Đồng nai.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng D.4cm, C.4cm, trên sau nếp trái.

Ngày 21 tháng 4 năm 1976

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG - TY

Trần Việt Thanh

IV # 533955

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số 270042215

Họ tên NGUYỄN THỊ THẢI.

Sinh ngày 5-11-1952.

Nguyên quán Đặc Khu, Vũngtàu-Côndảo.

Nơi thường trú 37/3 Nguyễn Tr-Tộ, Phường 3, Vũngtàu-Côndảo

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật giáo.

| | | |
|---|---|---|
| | NGÓN TRỎ TRÁI | **DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH**<br>Sẹo thẳng D.1cm C.1,5 cm dưới trước đuôi mắt trái. |
| 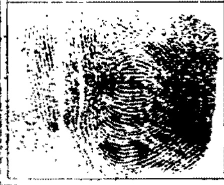 | NGÓN TRỎ PHẢI | *Ngày* 26 *tháng* 4 *năm* 1978<br>KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>*Đặng Công Hậu* |

IV# 533955

English EXTRACT TRANSLATION of the Vietnamese Language

---

BIRTH - CERTIFICATE

| | |
|---|---|
| Full name of the child | : NGUYEN NGOC THANH |
| Sex | : Male |
| Date of birth | : Sept 02, 1975 |
| Place of birth | : Vung Tau, Vietnam |
| Full name of the father | : / |
| His age | : / |
| Full name of the mother | : NGUYEN THI THAI |
| Her age | : 24 |
| Place of registration | : Thang Tam, Vung Tau city, Vietnam |
| Date of registration | : Oct 13, 1975 |
| Registration number | : 147 |
| Registration official | : The Village Secretary of the People's committee of Thang Tam village. |

Date and Place this copy issued: Thang Tam, Oct 13, 1975

---

I, the undersigned, an Immigration Counselor of the International Institute of Los Angeles, (2121 W. Beverly Blvd,. Los Angeles, CA 90057) hereby certify that I am fluent in both Vietnamese and English and competent to translate those languages. The above is a true translation of all pertinent information of the attached document in Vietnamese.

The translator: Huong Nguyen
Huong Nguyen

On MAY 21ST 1982 before me the undersigned, a Notary Public for the State of California, County of Los Angeles, personally appeared Huong Nguyen, known to me be the person whose name is subscribed to the within instrument and acknowledged that he executed the same.

The Notary Public: Chu Van Nguyen

OFFICIAL SEAL
CHU VAN NGUYEN
NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA
LOS ANGELES COUNTY
My comm. expires MAR 29, 1985

(Translation)

CITY -- 

DISTRICT -- 

VILLAGE -- 

No. 11

Translation of

BIRTH CERTIFICATE

FULL NAME OF THE CHILD: NGUYEN THI XUAN THUY SEX Female

DATE OF BIRTH: February 26, 1972

PLACE OF BIRTH: Con Son maternity

FATHER: NGUYEN VAN TY AGE 45

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE Con Son

MOTHER: NGUYEN THI KIEM AGE 43

OCCUPATION: Housewife

RESIDENCE: Con Son

WIFE'S RANK: Primary

DECLARANT: NGUYEN VAN TY AGE 45

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

REGISTERED DATE: February 27, 1972

WITNESSES: 1st: DUONG THI LAM AGE 23

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

2r WITNESS: PHAN MINH CHAU AGE 20

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

DATE Con Son February 27, 1972

DECLARANT OFFICER WITNESSES

(Signed) (Signed) (Signed)

Extracted from the original.

DATE Con Son 03-17-1972

OFFICER: CAO MINH TIEP

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

OFFICIAL SEAL
THIEN V BUI
NOTARY PUBLIC CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

I hereby state that the above translation is true and correct to the best of my knowledege and belief.

TRANSLATOR: 

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

# KHAI SANH

Số hiệu : 11

| | |
|---|---|
| Tên, họ ấu nhi : | NGUYỄN-THỊ-XUÂN-THỦY |
| Phái : | Nữ |
| Sanh : (Ngày, tháng, năm) | Hai mươi sáu, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai |
| Tại : | Bảo sanh viện CônSơn |
| Cha : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Tỷ |
| Tuổi : | 45 tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Công chức |
| Cư-trú tại : | CônSơn |
| Mẹ : (Tên, họ) | Nguyễn-thị-Kiểm |
| Tuổi : | 43 tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Nội trợ |
| Cư-trú tại : | CônSơn |
| Vợ : | Chánh |
| Người khai : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Tỷ |
| Tuổi : | 45 tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Công chức |
| Cư-trú tại : | CônSơn |
| Ngày khai : | Ngày 27 tháng 02 năm 1972 |
| Người chứng thứ nhứt : (Tên, họ) | Dương-thị-Lam |
| Tuổi : | 23 tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Công chức |
| Cư-trú tại : | CônSơn |
| Người chứng thứ nhì : (Tên, họ) | Phan-Minh-Châu |
| Tuổi : | 20 tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Công chức |
| Cư-trú tại : | CônSơn |

*Làm tại* CônSơn, *ngày* 27 *tháng* 02 *năm* 1972

Người khai,
Ký tên
Nguyễn-văn-Tỷ

Hộ-lại,
Ấn ký
Trung-Tá
CAO-MINH-TIẾP

Nhân-chứng,
Ký tên
Dương-thị-Lam
Phan-Minh-Châu

Sao y bộ đời năm 19/2, tồn trữ tại Phòng Hộ-Tịch.
CônSơn, ngày 17 tháng 03 năm 1972
Phó-Tỉnh-Trưởng Hành-Chánh
kiêm Viên-Chức Hộ-Tịch,

TRUNG-TÁ CAO MINH-TIẾP

(Translation)

CITY -- .

DISTRICT --

VILLAGE --

No. 01

Translation of

BIRTH CERTIFICATE

FULL NAME OF THE CHILD: NGUYEN THI XUAN NGA SEX Female

DATE OF BIRTH: January 2, 1969

PLACE OF BIRTH: Con Son maternity

FATHER: NGUYEN VAN TY AGE 42

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE Con Son

MOTHER: NGUYEN THI KIEM AGE 39

OCCUPATION: Housewife

RESIDENCE: Con Son

WIFE'S RANK: Primary

DECLARANT: NGUYEN VAN TY AGE 42

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

REGISTERED DATE: Jan. 2, 1969

WITNESSES: 1st: LE THI THAO AGE 24

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

2r WITNESS: NGUYEN THI KIM DUONG AGE 20

OCCUPATION: Civil Servant

RESIDENCE: Con Son

DATE Con Son 01-02-1969

DECLARANT (Signed) OFFICER (Signed) WITNESSES (Signed)

Extracted from the original. Year of 1969

DATE Con Son 02-13-1974

OFFICER: NGUYEN VAN VE

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

OFFICIAL SEAL
THIEN V. BUI
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 26,1991

I hereby state that the above translation is true and correct to the best of my knowledege and belief.

TRANSLATOR: Kim Chi

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

# KHAI SANH

Số hiệu : 01

Tên, họ ấu nhi : NGUYỄN-THỊ-XUÂN-NGA
Phái : Nữ
Sanh : Ngày hai, tháng một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
(Ngày, tháng, năm)
Tại : Bảo sanh viện ConSon
Cha : Nguyễn-Văn-Tý
(Tên, họ)
Tuổi : 42 tuổi
Nghề-nghiệp : Công-chức
Cư-trú tại : ConSon
Mẹ : Nguyễn-thị-Kiêm
(Tên, họ
Tuổi : 39 tuổi
Nghề-nghiệp : Nội trợ
Cư-trú tại : ConSon
Vợ : Chánh
Người khai : Nguyễn-Văn-Tý
(Tên, họ)
Tuổi : 42 tuổi
Nghề-nghiệp : Công-chức
Cư-trú tại : ConSon
Người khai : Ngày 2 tháng 1 năm 1969
Người chứng thứ nhứt : Lê-thị-Thảo
(Tên, họ)
Tuổi : 24 tuổi
Nghề-nghiệp : Công-chức
Cư-trú tại : ConSon
Người chứng thứ nhì : Nguyễn-thị-Kim-Dưỡng
(Tên, họ)
Tuổi : 20 tuổi
Nghề-nghiệp : Công-Chức
Cư-trú tại : ConSon

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHA TRƯỚC BẠ VÀ CON NIÊM 10$00
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHA TRƯỚC BẠ VÀ CON NIÊM 10$00
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHA TRƯỚC BẠ VÀ CON NIÊM 10$00

Sao y bộ đời năm 1969,
tồn trữ tại Phòng Hộ-Tịch
ConSon, ngày 13/02/1974
CHÁNH-CHỦ-SỰ HÀNH-CHÁNH
kiêm Viên-chức Hộ-Tịch,

CHÁNH CHỦ SỰ HÀNH CHÁNH KIÊM VIÊN CHỨC HỘ TỊCH ĐẶC PHÁI VIÊN

Trung-Tá NGUYỄN-VĂN-VỆ

*Làm tại* ConSon, *ngày* 2 *tháng* 1 *năm* 1969

| Người khai, | Hộ-lại, | Nhân-chứng, |
|---|---|---|
| Ký tên, | Ấn ký, | Ký tên, |
| Nguyễn-văn-Tý | Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-VỆ | Lê-thị-Thảo<br>Nguyễn-thị-Kim-Dưỡng |

(Translation)

CITY -- .

DISTRICT --

VILLAGE --

No. -- 2221

Translation of

BIRTH CERTIFICATE

FULL NAME OF THE CHILD: NGUYEN THI XUAN THU SEX Female

DATE OF BIRTH: September 18, 1966

PLACE OF BIRTH: My Phuoc

FATHER: NGUYEN VAN TY AGE 39

OCCUPATION: Supervisor of Correction center

RESIDENCE My Phuoc

MOTHER: NG-THI-KIEM AGE 36

OCCUPATION: Housewife

RESIDENCE: My Phuoc

WIFE'S RANK: Primary

DECLARANT: TRAN KIM HUONG AGE 32

OCCUPATION: Maternity Nurse

RESIDENCE: My Phuoc

REGISTERED DATE: 09-20-1966

WITNESSES: 1st: TRAN THI BANH AGE 26

OCCUPATION: Maternity Nurse

RESIDENCE: My Phuoc

2r WITNESS: CAO THI KIM LIEN AGE 35

OCCUPATION: Maternity Nurse

RESIDENCE: My Phuoc

DATE My Phuoc 09-20-1966

DECLARANT (Signed)

OFFICER (Signed)

WITNESSES (Signed)

Extracted from the original.

DATE My Phuoc 10-04-1966

OFFICER: Illegible

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES ) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

OFFICIAL SEAL
THIEN V. [illegible]
NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

I hereby state that the above translation is true and correct to the best of my knowledege and belief.

TRANSLATOR:

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

Số hiệu _____

# KHAI SANH

MIỄN LỆ-PHI

Số 2221

Tên, họ ấu nhi : NGUYỄN-THỊ-XUÂN-THU

Phái : Nữ

Sanh : Mươi tam thang chin năm một ngan chin trăm sau
(Ngày, tháng, năm)

Tại : Mỹ-Phước, mươi sau

Cha : Nguyễn-văn-Ty
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi chin tuổi

Nghề : Giam-thị-Cãi-Huấn

Cư-trú tại : Mỹ-Phước

Mẹ : Võ-thị-Kiêm
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi sau tuổi

Nghề : Nội trợ

Cư-trú tại : Mỹ-Phước

Vợ : Vợ chanh
(chánh hay thứ)

Người khai : Trần-kim-Hương
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi hai tuổi

Nghề : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Mỹ-Phước

Ngày khai : 20 thang 9 dl 1966

Người chứng thứ nhứt : Trần-thị-Bãnh
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi sau tuổi

Nghề : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Mỹ-Phước

Người chứng thứ nhì : Cao-thị-kim-Liên
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi lăm tuổi

Nghề : Nữ hộ sinh

Cư-trú tại : Mỹ-Phước

Lập tại xã Mỹ-Phước, ngày 20 thang 9 dl 1966

| Người khai, | Hộ-lại, | Nhân-chứng |
|---|---|---|
| Trần-kim-Hương | Nguyễn-duy-Hinh | Trần-thị-Bãnh |
| (ky tên) | (ky tên) | Cao-thị-kim-Liên |
| | | (ky tên) |

GAO-LỤC Y TRONG BỘ
Phước, ngày 4 tháng 6 năm 6
UỶ-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ
CHỦ-TỊCH
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
KIỂM HỘ-TỊCH
XÃ
MỸ-PHƯỚC
QUẬN CHÂU-THÀNH
TỈNH AN-GIANG (NAM-PHẦN)

CHỨNG CHẮC CHỮ KÝ CỦA
UỶ-VIÊN U.B.H.C. XÃ Mỹ Phước
TRÊN SẤY
Quyển ngày 4 tháng 12 d. 1966
KL. TỈNH TRƯỞNG AN GIANG
PHÓ TỈNH TRƯỞNG
TRƯỞNG-TY HÀNH-CHÁNH
TỈNH-TRƯỞNG

(Translation)

REPUBLIC OF VIETNAM

COURT CLERK OFFICE: ---

EXTRACT FROM THE ORIGINAL RECORD of:

My Phuoc An Giang Province

Year. 1963 File No. 590

| | |
|---|---|
| CHILD'S NAME: | NGUYEN THI XUAN LAN |
| SEX: | Female |
| DATE OF BIRTH: | March 19, 1963 |
| PLACE OF BIRTH: | My Phuoc |
| FATHER'S NAME: | NGUYEN VAN TY |
| OCCUPATION: | Military Officer |
| RESIDENCE: | My Phuoc |
| MOTHER'S NAME: | NGUYEN THI KIEM |
| OCCUPATION: | Housewife |
| RESIDENCE: | My PHuoc |
| WIFE'S RANK: | Primary |

We --- Judge of --- Ceritfy the signature of --- Senior Court clerk.

--- date: ---

Sealed & Signed by: Judge

Extracted from the original.

An Giang date: 10-2-1973

Sealed & Signed by: Senior Clerk

TRAN BA THE

STATE OF CALIFORNIA )
County of Los Angeles ) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME

10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

I hereby to state that the foregoing translation is true and correct to the best of my knowledge and belief.

TRANSLATION

OFFICIAL SEAL
THIEN V. BUI
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
*République du Viêt-Nam*

Mẫu 149/ĐP 92/LS 23
Khổ 21×27

# PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM ____

( GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE ____ )

**BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH** Mỹ- Phước
*(Extrait du registre des actes de naissance)*

Tỉnh Angiang **(NAM PHẦN)**
*(Sud Việt-Nam)*

*NĂM* 1963 *SỐ HIỆU* 590
*(Année)* *(Acte No)*

| | |
|---|---|
| Tên, họ đứa con nít . . . . . . *(Nom et prénom de l'enfant)* | NGUYỄN- THỊ-XUÂN-LAN |
| Nam, nữ . . . . . . . . *(Sexe de l'enfant)* | Nữ |
| Sanh ngày nào . . . . . . . *(Date de naissance)* | I[illegible]- 03 - I963 |
| Sanh tại chỗ nào . . . . . . *(Lieu de naissance)* | Mỹ- Phước |
| Tên, họ cha . . . . . . . . *(Nom et prénom du père)* | Nguyễn-văn- Tỷ |
| Cha làm nghề gì . . . . . . *(Sa profession)* | [illegible] |
| Nhà cửa ở đâu. . . . . . . *(Son domicile)* | Mỹ- Phước |
| Tên, họ mẹ . . . . . . . . *(Nom et prénom de la mère)* | Nguyễn- thị-Kiêm |
| Mẹ làm nghề gì . . . . . . *(Sa profession)* | Nội trợ |
| Nhà cửa ở đâu . . . . . . . *(Son domicile)* | Mỹ- Phước |
| Vợ chánh hay thứ . . . . . . *(Son rang de femme mariée)* | Vợ chánh |

Trích y bản chánh,
*(Pour extrait conforme)*

Angiang ____, ngày [illegible] 197_

**CHÁNH LỤC-SỰ,**
(LE GREFFIER EN CHEF)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA — CHÁNH LỤC-SỰ — TÒA SƠ-THẨM AN-GIANG

-TRẦN-BÁ-THẾ-

Giá tiền : I5,00
*(Coût)*
Biên-lai số : N
*(Quittance No)*

(Translation)

CITY -- •

DISTRICT --

VILLAGE --

No. 669

Translation of

BIRTH CERTIFICATE

FULL NAME OF THE CHILD: NGUYEN THI THAI SEX Female
DATE OF BIRTH: November 5, 1952
PLACE OF BIRTH: Thang Tam
FATHER: NGUYEN VAN TY AGE --
OCCUPATION: Worker
RESIDENCE Thang Tam
MOTHER: NGUYEN THI KIEM AGE --
OCCUPATION: Homemaker
RESIDENCE: Thang Tam
WIFE'S RANK: Primary
DECLARANT: NGUYEN VAN TY AGE 25
OCCUPATION: Worker
RESIDENCE: Thang Tam
REGISTERED DATE: --

WITNESSES: lst: NGUYEN THI CAN AGE 62
OCCUPATION:
RESIDENCE: Thang Tam
2r WITNESS: TRUONG THI TRA AGE 52
OCCUPATION: Homemaker
RESIDENCE: Thang Tam

DATE Cap St. Jacques, Thang Tam 11-07-1952

DECLARANT (Signed)

OFFICER (Signed)

WITNESSES (Signed)

Extracted from the original.

DATE Thang Tam 05-10-1962

OFFICER: TRUONG VAN DAU

STATE OF CALIFORNIA )
COUNTY OF LOS ANGELES ) SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 10th DAY OF July 19 90

NOTARY PUBLIC.

OFFICIAL SEAL
THIEN V. BUI
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
LOS ANGELES COUNTY
My Commission Expires November 20,1991

I hereby state that the above translation is true and correct to the best of my knowledege and belief.

TRANSLATOR:

VIETNAMESE CENTER
DICH VU XA HOI
216 E. VALLEY BLVD.
SAN GABRIEL, CA 91776

MIỄN-PHÍ

# KHAI SANH

Số hiệu : 569

| | |
|---|---|
| Tên, họ ấu nhi : | NGUYỄN-THỊ-THÁI |
| Phái : | Nữ |
| Sanh : (Ngày, tháng, năm) | Le cinq Novembre mil neuf cent cinquante deux. |
| Tại : | Thăng-Tam |
| Cha : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Tý |
| Tuổi : | // |
| Nghề-nghiệp : | Làm-mướn |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Mẹ : (Tên, họ) | Nguyễn-thị-Kiêm |
| Tuổi : | // |
| Nghề-nghiệp : | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Vợ : | Vợ-chánh |
| Người khai : (Tên, họ) | Nguyễn-văn-Tý |
| Tuổi : | Hai mươi lăm tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Làm-mướn |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Ngày khai : | // |
| Người chứng thứ nhứt : (Tên, họ) | Nguyễn-thị-Cẩn |
| Tuổi : | Sáu mươi hai tuổi |
| Nghề-nghiệp : | Bà-đỡ |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |
| Người chứng thứ nhì : (Tên, họ) | Trương-thị-Trà |
| Tuổi : | Năm mươi hai tuổi |
| Nghề-nghiệp | Làm việc nhà |
| Cư-trú tại : | Thăng-Tam |

Làm tại Cap St-Jacques Thăng-Tam, ngày Le 7 tháng Novembre năm 1952

| Người khai, | Hộ-lại, | Nhân-chứng, |
|---|---|---|
| Tý, | Mười, | Cẩn, Trà, |

SAO Y BỔN CHÍNH
Thăng-Tam, ngày 10-5-1962
Hội-Viên Hộ-Tịch
(signature)
Đỗ-Giáo-Huấn

CHỨNG THẬT
Thăng-Tam, ngày 10-5-1962
Hội-Viên Tài-Chánh
(stamp, signature)
Trương-văn-Dấu

Nhận thực chữ ký của
Hội-Đồng Xã
Thắng Tam
trên đây
12 - 5 - 62
(stamp, signature)
NGUYỄN-VĂN-SANG

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O.BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

(5)

IV - 533955

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN (Last) VAN (Middle) TY (First)

Current Address _____

Date of Birth 1927 Place of Birth QUANG NGAI (VIET NAM)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NGUYEN THI KIEM
NGUYEN THI THAI
NGUYEN THI XUAN HONG
NGUYEN THI XUAN LAN
NGUYEN THI XUAN THU
NGUYEN THI XUAN NGA
NGUYEN THI XUAN THUY
NGUYEN NGOC THANH

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 7.3.75 To 5-15-80

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

| NAME | RELATIONSHIP | NAME | RELATIONSHIP |
|---|---|---|---|
| CUC NGUYEN | FATHER | | |
| | | | |
| | | | |

Form Completed By:

CUC NGUYEN
Name

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÁNH TRỊ VIỆTNAM P.O.BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

# INTAKE FORM
# MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : NGUYEN VAN TY
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH (NĂM, NƠI SINH DỀ) : 1927
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE (✓) Female (Nữ) :

MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình) : Single (Độc thân) : Married (co lap gia dinh) : ✓

ADDRESS IN VIETNAM (Địa chỉ tại VN) : NGUYỄN THỊ XUÂN HOA 37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ
: PHƯỜNG THẮNG TAM VŨNG TÀU ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

POLITICAL PRISONER (Có là Tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ✓ No (Không) :
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 7-3-75 To (Đến) : 5-15-80

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (TRẠI TÙ) : CAMP RỪNG LÁ

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : GIÁM THỊ TRUNG TÂM CẢI HUẤN

EDUCATION IN U.S. (DU HỌC TAI MỸ) : NO

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) :

VN GOVERNMENT (Trong chinh phủ VN) : Position (Chức Vụ) : GIÁM THỊ Date (Năm) :

APPLICATION FOR O.D.P : Yes (Co) : ✓ IV Number (số hồ sơ) : 533955 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 8 NGƯỜI
(Tên thân nhân thấp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chỉ liên lạc tai VN) : NGUYỄN THỊ XUÂN HOA 37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ
PHƯỜNG THẮNG TAM - VŨNG TÀU ĐẶC KHU CÔN ĐẢO.

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên, Dia chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trở) : NGUYEN THI CUC

U.S. CITIZEN : (Có quoc tich Hoa Kỳ) : CÓ No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : CHA-MẸ

NAME AND SIGNATURE ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Dia Chỉ, Chữ Ký, của người điền đơn này) : [signature] CUC NGUYEN
Điện thoại

DATE : 9 4 1986
Month (thang) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN TY
(Listed on Page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO P.A. |
|---|---|---|
| NGUYEN THI KIEM | 5-1-30 | WIFE |
| NGUYEN THI THAI | 11-5-52 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN HONG | 12-16-60 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN LAN | 3-19-63 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN THU | 9-18-66 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN NGA | 1-2-69 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN THUY | 2-26-72 | DAUGHTER |
| NGUYEN NGOC THANH, | 9-2-75 | GRANDSON |
| | | |

ADDITIONAL INFORMATION:

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O.BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

**The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.**

Applicant in Vietnam NGUYEN (Last) VAN (Middle) TY (First)

Current Address _____

Date of Birth 1927 Place of Birth QUANG NGAI (VIET NAM)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NGUYEN THI KIEM
NGUYEN THI THAI
NGUYEN THI XUAN HONG
NGUYEN THI XUAN LAN
NGUYEN THI XUAN THU
NGUYEN THI XUAN NGA
NGUYEN THI XUAN THUY
NGUYEN NGOC THANH

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 7.3.75 To 5-15-80

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

| NAME | RELATIONSHIP | NAME | RELATIONSHIP |
|---|---|---|---|
| CUC NGUYEN | FATHER | | |
| | | | |
| | | | |

Form Completed By:

CUC NGUYEN
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN TY
(Listed on Page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO P.A. |
|---|---|---|
| NGUYEN THI KIEM | 5-1-30 | WIFE |
| NGUYEN THI THAI | 11-5-52 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN HONG | 12-16-60 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN LAN | 3-19-63 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN THU | 9-18-66 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN NGA | 1-2-69 | DAUHTER |
| NGUYEN THI XUAN THUY | 2-26-72 | DAUGHTER |
| NGUYEN NGOC THANH | 9-2-75 | GRANDSON |
| | | |

ADDITIONAL INFORMATION:

Thưa Ông / Bà.

Năm 1980 học tập cải tạo về, ba tôi nộp đơn xin đoàn tụ gia đình. Chính quyền cộng sản đã cúp hộ khẩu và đưa đi Quảng Ninh rồi mới, nên không có địa chỉ để liên lạc.

Nếu ông / Bà có thể giúp xin liên lạc với em tôi: NGUYỄN THỊ [redacted] XUÂN HOA

37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - PHƯỜNG THẮNG TAM VŨNG TÀU (CÔN ĐẢO)

Thưa Ông / Bà

Năm 1980 học tập cải tạo về, ba tôi nộp đơn xin đoàn tụ gia đình. Chính quyền cộng sản đã cúp hộ khẩu và đưa đi vùng kinh tế mới, nên không có địa chỉ để liên lạc.

Nếu ông / Bà có thể giúp xin liên lạc với em tôi: NGUYỄN THỊ [redacted] XUÂN HOA

37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - PHƯỜNG THẮNG TAM VŨNG TÀU (CÔN ĐẢO)

FR: CUC THI NGUYEN

FIRST CLASS

39

FIRST CLASS

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 2205-0635

UBND ĐẶC KHU
Vũng tàu – Côn đảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 156/QĐGQ

Vũng tàu, ngày 13 tháng 11 năm 19[illegible]

## ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU
## VŨNG TÀU – CÔN ĐẢO

- Căn cứ sắc lệnh số 175/SL ngày 18/8/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định việc quản chế
- Căn cứ Nghị định số 298/TTg ngày 18/8/1953 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng của UBND các cấp trong việc quản chế
- Xét thời gian để quản chế và thái độ cải tạo Nguyễn văn Tý
- Theo đề nghị của UBND phường Thắng Tam
- ~~Theo đề nghị của ban [illegible]~~
- [illegible]

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1**: Nay giải quản cho Nguyễn văn Tý sinh năm 1927 hiện ngụ tại số nhà 37/3 Nguyễn Trường Tộ – Thắng Tam.

**Điều 2**: Đương sự được hưởng mọi quyền công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo luật định.

**Điều 3**: Các ông chánh văn phòng Ủy ban nhân dân, [illegible] Công an Đặc khu, Chủ tịch ~~[illegible]~~ [illegible] có nhiệm vụ [illegible] chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3 để thi hành
- [illegible]

TM. UBND ĐẶC KHU VT-CĐ
KT. CHỦ TỊCH UBND
Phó chủ tịch

[illegible] Khắc Khải

March 31, 1984

Mr. John Cullen
Joint Voluntary Agency Representative
Box 58
American Embassy
APO San Francisco 96346

Re: IV-533955
IV

Dear Mr. Cullen:

This is to request that your good office allow 1) Mr. NGUYEN VAN TY, 10-17-27 (father)
2) NGUYEN THI KIEM, 05-01-30 (mother)
3) NGUYEN THI THAI, 11-05-52 (sister)
4) NGUYEN THI XUAN HONG, 12-16-60 (sister)
5) NGUYEN THI XUAN LAN, 03-19-63 (sister)
6) NGUYEN THI XUAN THU, 09-18-66 (sister)
7) NGUYEN THI XUAN NGA, 01-02-69 (sister)
8) NGUYEN THI XUAN THUY, 02-26-72 (sister)
9) NGUYEN NGOC THANH, 09-02-75 (nephew)

to enter Thailand in order to apply for admission to the United States of America. Please include their names on the list of persons who have been accepted to enter Thailand and please send a letter of introduction to:

Mr. NGUYEN VAN TY and the above mentioned whose address is:

37/3 Khu Xom Vuong Phuong Thang Tau Dac Khu Vung Tau, , Vietnam.

We would appreciate it if you would forward a copy of said letter to the undersigned.
Thank you for your courtesy and cooperation in this matter.
Very truly yours,

Name: NGUYEN CUC THI

Address:

Telephone No.:

Alien No. A 22-001-696

NOTARY PUBLIC: LOC THANH LE POPE

LOC THANH LE POPE

My commission expires on: 09-14-1984

LOC THANH LE POPE
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
ORANGE COUNTY
My Commission Expires Sept. 14, 1984

... of NGUYEN VAN TY and family

IV-533-955

1. NGUYEN VAN TY

2. NGUYEN THI KIÊM

3. NGUYEN THI THAI

4. NGUYEN T. XUÂN HÔNG

5. NGUYEN T. XUÂN LAN

. NGUYEN THI XUAN THU

7. NGUYEN T. XUANNGA

8. NGUYEN T. XUAN THUY

9. NGUYEN NGOC THANH

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÁNH TRỊ VIỆTNAM P.O.BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

# INTAKE FORM
# MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

IV 533955

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : NGUYEN (Last Tên Họ) VAN (Middle Giua) TỤ (First Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : (NĂM, NƠI SINH DÈ) Month (Thang) Day (Ngay) 1927 Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE (V) Female (Nu):

MARITAL STATUS : (Tình trạng gia đình) Single (Độc thân): Married (co lap gia dinh): V

ADDRESS IN VIETNAM : (Dia chi tại VN) NGUYỄN THỊ XUÂN HOA 37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

: PHƯỜNG THẮNG TAM VŨNG TÀU ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

POLITICAL PRISONER (Có là Tù binh tại VN hay không): Yes (Có) V No(Không):

: If yes(Nếu Có): From(Từ): 7-3-75 To(Đến): 5-15-80

PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (TRẠI TÙ ) CAMP RỪNG LÁ

PROFESSION (Nghề Nghiệp): GIÁM THỊ TRUNG TÂM CẢI HUẤN

EDUCATION IN U.S. : (DU HỌC TẠI MỸ) NO

VN ARMY (Quân đội VN): Rank(Cấp Bậc):

VN GOVERNMENT : (Trong chính phủ VN) Position(Chức Vụ): GIÁM THỊ Date(Năm):

APPLICATION FOR O.D.P: Yes(Co): V IV Number(số hồ sơ): 533955 No(Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 8 Người
(Tên thân nhân thấp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN: (Dia chỉ liên lạc tại VN) NGUYỄN THỊ XUÂN HOA 37/3 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ PHƯỜNG THẮNG TAM . VŨNG TÀU ĐẶC KHU CÔN ĐẢO.

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : (Tên, Dia chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trợ) NGUYEN THI CUC

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): CÓ No(Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): CHA-MẸ

NAME AND SIGNATURE : CUC NGUYEN

ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Dia Chỉ, Chữ Ký, Điện thoại của người điền đơn này) [illegible]

DATE : 9 (Month thang) 4 (Day ngày) 1986 (Year)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN TY
(Listed on Page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO P.A. |
|---|---|---|
| NGUYEN THI KIEM | 5 - 1 - 30 | WIFE |
| NGUYEN THI THAI | 11 - 5 - 52 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN HONG | 12 - 16 - 60 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN LAN | 3 - 19 - 63 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN THU | 9 - 18 - 66 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN NGA | 1 - 2 - 69 | DAUGHTER |
| NGUYEN THI XUAN THUY | 2 - 26 - 72 | DAUGHTER |
| NGUYEN NGOC THANH | 9 - 2 - 75 | GRANDSON |
| | | |

ADDITIONAL INFORMATION:

7- Names of American Advisor (S)
(Họ tên cố vấn Mỹ) . . . . . KHÔNG . NHỚ . . . . . . . . .

8- U.S Training courses in VIETNAM (Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
. . . . . . . . . . . . . . KHÔNG . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

9- U.S Awards or certificates :(Giấy ban khen hoặc chứng thư do Hoa
. . . . . . . . . . . . . . . KHÔNG . . . . . . . . . . . . . . . . . .

(Note: Please attach any copies , of diplomas , awards or certificat available available ? Yes: No:
( Chú ý : Xin bạn kèm theo một cứ văn bằng ,giấy khen hoặc chứng thư đương sự có không ? Có : không : + )

G- TRAINING OUT SIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE:
( Bạn và vợ chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc )

1- Name of student / trainee(Họ tên sinh viên/người được huấn luyện
. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2- Shool and shool address ( Trường và địa chỉ nhà trường)
. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

3- Dates : From : To:
(Ngày,tháng,nam) từ : tới :

4- Desouption of courses :(Mô tả ngành học)
. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

5- Who paid for training? (Ai đài thọ chương trình huấn luyện)
. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

( NOTE: Pleace attach copies of diplomas or orders. If available . Available? Yes . . . . . .No . . . . . . )
Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có bạn có hay k
Có . . . Không . . . .

H- RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE ( Bạn hoặc vợ/chồng đã học cải

1- Name of person in reeducation ( Họ tên người đi học cải tạo)
. . NGUYỄN .VĂN.TH. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

2- Total time in reeducation Years Months day
(Tổng cộng thời gian học cải tạo) Năm 03 tháng 4 ngà

3- Still in reeducation Yes No:
Vẫn còn học cải tạo Có 05.7.-1975 không 15.-5.

+ If released , we must have a copy of your release certificate)
(Nếu được thả chú g tôi cần 1 giấy ra trại)
. . GIẤY.RA.TRẠI BỊ CÔNG AN. ..... LẤY CÒN LẠI GIẤY.TRẢ.QUYỀN

I- ANY ADDITIONAL REMARKS ? ( Các chú phụ thuộc )

Signature (Ký tên) Date(ngày,tháng)
NGUYỄN . VĂN . TY 25 . 02 . 1984

J- Please list here all documents attached to this questionnaire
( Xin nêu ra hết cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này ).

5- Children ( con cái) 1-
2-
3-
4-
5-
6-
7-

6- Siblings ( Anh chị em) 1-
2-
3-
4-
5-
6-

E- EMPLOYMENT BY U.S GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S ORGANIZATIONS O
YOU OR YOUR SPOUSE.
( Bạn hoặc vợ, chồng đã có làm việc cho cơ sở của chính phủ mỹ hoặc tổ
Mỹ)

1- Name of person employed : ( Họ tên , nhân viên)
NGUYỄN . VĂN . TỴ . . . GIÁM THỊ TRUNG TÂM CẢI . HUẤN

2- Dates (ngày, tháng, năm)

| | | From Từ | To đến |
|---|---|---|---|
| 18-6-1955 | 1- | ĐH HÒA SAIGÒN | 1972 BÀ . RỊA |
| 1956 | 2- | CÔN SƠN | |
| 1958 | 3- | CÔNG XUYÊN | |
| 1966 | | CÔN SƠN | |

3- Title of (last ) positions held
( chức vụ công việc ) 1 -
CHỨC VỤ . GIÁM . THỊ 2 -
TRƯỞNG . BAN GIÁM . THỊ 3 -
4 -

4- Agency / company / offices :
( Sở hãng văn phòng) 1-
2-
3-

5- Name of (last) supervisor )Họ tên người giám thị)
1- NGUYỄN . VĂN . TỴ
2-
3-
4-

6- Reason for leaving ( lý do ra đi )
1- ĐOÀN TỤ GIA . ĐÌNH
2- TỴ NẠN CHÍNH TRỊ (NHÂN VIÊN CỦA CHÍ
3- VIỆT . NAM CỘNG HÒA )

7- Training for job in Việtnam :
( Nghề nghiệp huấn luyện ở Việt Nam)
. . . . GIÁM . THỊ TRUNG TÂM . CẢI . HUẤN . ( SÀI . GÒN

F- SERVICE WITH GVT OR AGENCY BY YOU OR YOUR SPOUSE :
( Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việtnam
1- Name of person serving (Họ tên người tham gia)
. . NGUYỄN . VĂN . TỴ . . . . . .
2- Dates From Tới
Ngày, tháng, năm Từ : 1955 . Tới : 30 . 4 . 19
3- Last Rank : ( Cấp bậc cuối cùng )
. . TRƯỞNG . BAN . GIÁM . THỊ . . . .

( Lý lịch căn bản ) :

1- Name ( họ , tên ) . . . . . NGUYỄN . VĂN . TY . . . . . .

2- Other names ( họ, tên khác). . . . . 1.927 . . . . . .

3- Date/Place of birth ( ngày/nơi sinh) . 1927 . . TẠI . QUẢNG . NGÃI

4- Residence address ( Địa chỉ thường trú) KHU . 4 . ẤP . HỘI BÀI XÃ HỘI BÀI

5- Mailing address ( Địa chỉ thư từ ) KHU 4 ẤP HỘI BÀI XÃ HỘI BÀI HUYỆN CHÂU ĐỨC

6- Current Occupation ( nghề nghiệp ) . LÀM . RẪY . . . . . .

B- RELATIVES TO ACCOMPANY ME ( Bà con cùng đi với tôi)

( NOTE : Your spouse and unmaried children are the only relatives eligible to accompany you . List marital status (MS) as follows: Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S) .

( Chú ý: Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M)đã ly dị(D)góa phụ/góa thê hoặc độc thân (S) .

| | NAME (Họ, tên) | DATE OF BIRTH Ngày, tháng năm sinh | PLACE OF BIRTH Nơi sinh | SEX Phái | MS RELATIONSHIP Tình trạng GĐ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1- | NGUYỄN . THỊ . KIỂM | 1930 | THẮNG TAM VŨNG TÀU | NỮ | VỢ |
| 2- | NGUYỄN . THỊ . THÁI | 1952 | " | " | CON |
| 3- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . LAN | 1963 | LONG XUYÊN | " | CON |
| 4- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . THƠ | 1965 | " | " | CON |
| 5- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . NGỌ | 1969 | CẦN . THƠ | " | CON |
| 6- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . THU | 1972 | " | " | CON |
| 7- | NGUYỄN . NGỌC . THANH | 1975 | " | " | CON |
| 8- | | | VŨNG TÀU | Thái | CHÁU |
| 9- | | | | | |
| 10- | | | | | |
| 11- | | | | | |

( Note : For the persons listed above , we are need - copies birth certificates married marrige certificates ( if married) divorced address (if divorced Spouse's death certificate ( if widowed )identification cards ( if available) and photos: If any of the above accompanying relatives do not live with you please note their addresses in section I below )

( Chú ý: cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản khai sinh , giấy thú( nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn nếu đã ly dị ) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ /góa thê) thẻ căn cước ( nếu có) và hình . Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại , xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM ( Họ hàng ở ngoại quốc)

1- Closest relative in the U.S ( Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ)

a- Name ( Họ,tên) NGUYỄN . VĂN . VẤN . . . . . NGUYỄN . THỊ . CÚC

b- Relationship ( Liên hệ gia đình) . . EM . . . . . CON

c- Address ( Địa chỉ) 2186 . E . VILLA . ST . #1 . PASADENA . CA . 91107

2- Closest relative in other foreign countries

( Bà con thân thuộc nhất ở nước khác)

a- Name (Họ,tên) . . . . . .

b- Relationship (Liên hệ gia đình ) . . . . . .

c- Address ( địa chỉ) . . . . . .

D- COMPLETE FAMILY LISTING ( LIVING / DEAD)

( Danh sách toàn thể gia đình ( sống / chết)

| | NAME ( Họ tên) | ADDRESS ( Địa chỉ) |
|---|---|---|
| 1- | NGUYỄN . VĂN . CHỨC | (chết) |
| 2- | NGUYỄN . THỊ . DIỆP | (chết) |
| 3- | NGUYỄN . THỊ . KIỂM | KHU 4 ẤP . HỘI BÀI . XÃ HỘI BÀI CHÂU |
| 4- | NGUYỄN . THỊ . THÁI | " |
| 5- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . LAN | " |
| 6- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . THƠ | " |
| 7- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . NGỌ | " |
| 8- | NGUYỄN . THỊ . XUÂN . THU | " |
| 9- | NGUYỄN . NGỌC . THANH | " |

COMPUTERIZED

8/29/86

CONTROL

✓ Card
___ Doc.Request; Form received
✓ Release Order
___ Computer
✓ Form "D"
✓ ODP/Date 11/86
~~___~~ Membership; Letter to UN